

Số: /BC-UBND

Xuân Hải, ngày 29 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Xuân Hải Tx Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 21/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc Tổ chức tập huấn và đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại 3 xã thí điểm triển khai đề án: Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2014.

Căn cứ Quyết định số ngày / / về việc thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật của xã để thực hiện Đề án 1002 về việc Nâng cao nhận thức cộng đồng về Quản lý rủi ro thiên tai;

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã; Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải đã thực hiện Đánh giá rủi ro thiên tai có sự tham gia của cộng đồng nhằm xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2015 và các năm tiếp theo với kết quả như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ:

Được tách ra từ xã Xuân Lộc năm 1982, Xuân Hải là một xã ven biển tại bán đảo Xuân Hải ở thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, Nam Trung Bộ Việt Nam. Xã còn giáp đầm Cù Mông. Đây cũng là xã cực Bắc của Phú Yên, sát thành phố Quy Nhơn của tỉnh Bình Định). Khu vực xã Xuân Hải có địa hình chủ yếu là núi đá và cát trắng. Cây trồng ở đây chủ yếu là dừa. Cư dân xã sống chủ yếu bằng nghề đánh các ven biển.

Xã nằm ở cực Đông Bắc tỉnh Phú Yên trên tuyến đường quốc lộ 1D (Quy Nhơn - Sông Cầu). phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp đầm Cù Mông bên kia là 2 xã Xuân Lộc & Xuân Bình, phía Nam giáp với xã Xuân Hòa, phía Bắc giáp với tp Quy Nhơn - Bình Định.

Là xã có diện tích theo chiều dài, phía đông là biển, phía tây là đầm Cù Mông. phần lớn là đất đồng bằng.

Hành chính xã có 5 thôn đánh số từ 1 đến 5:

1. Thôn 1: chủ yếu là đồng lúa
2. Thôn 2: là thôn giáp biển, phát triển du lịch với các bãi tắm đẹp (Bãi Bàu, Bãi Rạng...)
3. Thôn 3: là thôn trung tâm của xã- UBND xã Xuân Hải, chợ Xuân Hải, ngân hàng, bưu điện, trường học nằm trên địa bàn này

4. Thôn 4: là làng du lịch nằm trong dự án triển khai của tỉnh Phú Yên
5. Thôn 5: phát triển công nghiệp với Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu.

Xã có tuyến đường Quốc lộ 1D chạy qua 4 thôn: 2, 3, 4, 5; Tuyến đường liên xã Xuân Hải - Xuân Bình ở thôn 5, và đây là đoạn cuối của tuyến đường này.

Tất cả các thôn đều có các con đường bê tông rộng thoáng

Người dân chủ yếu là dân tộc Kinh, đa số là làm ngư dân, nuôi trồng thủy sản, phần ít làm nghề nông

Nổi tiếng với các món ăn hải sản: Cua, ghẹ hoa, ghẹ đá, ghẹ gạch, mực ống, mực lá, tôm hùm, tôm sú, tôm thẻ, cá thu, cá mú, các loại mắm. Cùng với các quán bè nằm ngay trên đầm Cù Mông, thu hút nhiều du khách đến từ Bình Định, Gia Lai.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A-THÔNG TIN CƠ BẢN

1.Đặc điểm địa lý

a. Vị trí địa lý:

Xã Xuân Hải nằm ở phía Bắc thị xã Sông Cầu, có quốc lộ 1D đi qua Xã, kinh tế mũi nhọn của Xã là đánh bắt thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

Ranh giới tiếp giáp:

- Phía Đông: Giáp với biển Đông.
- Phía Tây: Giáp xã Xuân Lộc, Xuân Bình.
- Phía Nam: Giáp xã Xuân Hòa.
- Phía Bắc: Giáp thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Với vị trí của Xã cách xa trung tâm thị xã Sông Cầu, hình thành khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, các khu du lịch và giáp ranh với thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, nhưng tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội tương đối phức tạp.

b. Địa hình:

Địa hình xã tương đối phức tạp, dốc thấp từ Đông sang Tây, là dãy cát dài từ phía Bắc vào Nam, phía Đông là biển Đông, độ dốc trung bình khoảng 4° , độ cao trung bình 50 m. Có 02 kiểu địa hình chính: Kiểu địa hình gò núi thấp, cao và kiểu địa hình thấp sen đầm vịnh.

Nhìn chung, địa hình của Xã được phân chia thành hai vùng rõ rệt, đồi núi và đồng bằng nên thuận lợi cho canh tác phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà ở của nhân dân.

c. Khí hậu:

Xã có đặc điểm khí hậu chung của vùng duyên hải Miền Trung – Nam Trung Bộ, chịu ảnh hưởng của đại dương nên có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa theo mùa, với hai mùa rõ rệt trong năm. Mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Nhiệt độ trung bình tương đối cao và ổn định, trung bình $26,7^{\circ}\text{C}$. Mặc

dù mùa khô kéo dài nhưng nhờ ảnh hưởng của Biển Đông nên độ ẩm cao, khí hậu mát mẻ thuận lợi cho tiềm năng du lịch.

2. Tình hình dân số

3. a. **Dân số:** Tổng dân số trên địa bàn Xã: 2.287 hộ với 10.045 nhân khẩu.

Dân số	Xã/thôn		
	Tổng	Nam	Nữ
Số hộ	2.287		
Số khẩu	10.045	5.137	4.908
Số hộ nghèo	113		
Độ tuổi lao động (18-60 tuổi)	6.962		
Đối tượng dễ bị tổn thương:			
-Người cao tuổi	152		
-Trẻ em	2.084		
-Người khuyết tật	217		
-Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng	211		
-Người bị bệnh hiểm nghèo	12		
-Người sống trong vùng rủi ro	258		

b. Phân bố dân cư

Thôn	Số hộ	Số khẩu	Số hộ Nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương					
				Người cao tuổi	Trẻ em	NKT	Phụ nữ	Người bị bệnh hiểm nghèo	Hộ trong vùng rủi ro
1	324	1390	19	31	346	52	880	1	18
2	815	4078	44	47	694	27	1530	5	178
3	342	1413	16	28	315	40	798	3	21
4	405	1713	19	24	337	47	875	2	17
5	352	1451	15	22	392	51	825	1	24
Tổng	2.238	10.045	113	152	2.084	217	4.908	12	258

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên)

1. Tài nguyên:

a. **Đất đai:** Tổng diện tích đất tự nhiên 2.873,56 ha. Trong đó:

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Đất nông nghiệp	NNP	1351,43	47,03
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	240,67	8,38
1.1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	30,42	1,06
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	210,25	7,32
2	Đất lâm nghiệp	LNP	913,52	31,79
2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	92,20	3,21
2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	821,32	28,58
2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	197,24	6,86
4	Đất làm muối	LMU		
5	Đất nông nghiệp khác	NKH		
II	Đất phi nông nghiệp	PNN	778,09	27,08
1	Đất ở tại nông thôn	ONT	37,75	1,31
2	Đất chuyên dùng	CDG	266,02	9,26
2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,40	0,01
2.2	Đất an ninh, quốc phòng	CQA	0,05	0,00
2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	208,14	7,24
2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	57,43	2,00
3	Đất tôn giáo tín ngưỡng	TTN	0,60	0,02
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	10,00	0,35
5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	463,72	16,14
6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
III	Đất chưa sử dụng	CSD	744,04	25,89
1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	88,23	3,07
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	655,81	22,82
3	Núi đá không có rừng cây	NCS		
Tổng diện tích tự nhiên			2.873,56	100,00

b. Rừng:

Chủ yếu là rừng trồng phòng hộ chắn gió, chắn cát và rừng sản xuất; đất trồng rừng phòng hộ theo chương trình PAM.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp: 913,52 ha, chiếm 31,79% diện tích đất tự nhiên. Tài nguyên rừng hầu như cạn kiệt do khai thác lâu đời; rừng trồng sinh trưởng và phát triển chậm do đồi núi trọc từ lâu bị thoái hóa, độ che phủ ở mức độ trung bình.

Trong 5 năm (2006-2010) đã trồng mới 708,9 ha rừng phòng hộ nâng tổng diện tích đất nông nghiệp lên 913,52 và đang chăm sóc, bảo vệ rừng hiện có, gắn với công tác tuyên truyền, giáo dục bảo vệ rừng, ngăn chặn việc khai thác rừng bừa bãi, nhất là khu vực rừng phòng hộ. Ngoài ra, có 11 cơ sở kinh tế trang trại được Nhà nước cho thuê đất với tổng diện tích 31,5 ha, với tổng mức đầu tư trên 6 tỉ đồng đang từng bước đầu tư theo dự án được phê duyệt, chủ yếu là trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp gắn với chăn nuôi.

c. Mặt nước: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Xã là: 159,9 ha. Trong đó:

- Diện tích đất nuôi tôm sú: 100,05ha.
- Diện tích nuôi vật nuôi khác: 59,85 ha.
- Mạch nước ngầm: Địa hình dọc theo Đầm Cù Mông nên có mạch nước ngầm rất tốt, riêng thôn 1 nguồn nước bị nhiễm phèn.

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh

4.1. Kinh tế:

a. Sản xuất Ngư - nông - lâm nghiệp

- Ngư nghiệp:

Thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của Xã, mặc dù nghề nuôi tôm sú còn gặp nhiều khó khăn về thời tiết, tình hình dịch bệnh còn xảy ra cục bộ ở một số vùng nuôi, giá cả đầu ra thấp nhưng diện tích nuôi trồng từng bước được khôi phục và tiếp tục duy trì ổn định ở mức 130 ha, đối tượng và hình thức nuôi luôn được đa dạng hóa, các biện pháp như thả thưa, đúng thời vụ, thả 1 vụ/năm, tuân thủ kỹ thuật canh tác nên đã mang lại kết quả, năng suất đạt bình quân 0,8 tấn/ha. Nhiều hộ nuôi có lãi từ 30 – 40 triệu đồng. Một số đối tượng nuôi khác như cá mú, cá chẻm, hải sâm, Cua, ghẹ... mang lại hiệu quả kinh tế, nhiều hộ thu hoạch có lãi. Nghề nuôi baba nước ngọt tiếp tục phát triển, sự sinh trưởng tương đối ổn định, có hộ thu hoạch lãi gần 80 triệu đồng.

Đã xây dựng 15 tổ nuôi tôm sú có sự quản lý cộng đồng, duy trì hoạt động theo quy chế đã đề ra.

Khu sản xuất giống thủy sản sạch bệnh với quy mô 47,8353 ha, sau khi được chuyển giao cho Doanh nghiệp Thủy sản Đặc Lợi làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư trên 248,88 tỉ đồng đã đưa vào hoạt động và mang lại hiệu quả kinh tế rất cao năng suất đạt 50 - 70 tấn/ha/năm, lợi nhuận khoảng 20 tỷ đồng/năm.

Nghề khai thác thủy sản tiếp tục được phát triển theo hướng chiều sâu, tàu thuyền có công suất lớn, trang bị phương tiện hiện đại. Hiện nay, trên địa bàn xã có

308 phương tiện tàu thuyền với tổng công suất 6836Cv. Sản lượng hải sản khai thác hàng năm đều tăng lên và đạt bình quân 3.000 tấn/năm. khai thác tôm hùm giống ước đạt 25.500 con giống;

Phối hợp với Đoàn Biên phòng Xuân Thịnh thành lập mới 02 Tổ, kiện toàn 04 Tổ tàu thuyền an toàn và tổ chức sinh hoạt gia đình, dòng họ xã Xuân Hải theo định kỳ.

Nghề nuôi trồng thủy sản: Được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của xã, do đó hàng năm đưa vào thả nuôi diện tích duy trì ổn định ở mức 130ha, đối tượng và hình thức nuôi luôn được đa dạng hóa, các biện pháp như thả thưa, đúng lịch thời vụ, tuân thủ kỹ thuật canh tác nên đã mang lại kết quả, năng suất đạt bình quân 0,9 tấn/ha. Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản tiếp tục được quan tâm: Đã kiện toàn Tổ kiểm tra liên ngành bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong khu vực Đầm Cù Mông, tổ chức triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm tra đối với các phương tiện khai thác thủy sản trái phép trong Đầm Cù Mông.

- Nông nghiệp:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm luôn giữ mức 6 ha (chủ yếu là lúa), năng suất đạt 3,5 tấn/ha/năm. Từ năm 2005 đến nay thực hiện Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đã cải tạo vườn dừa lão hóa và trồng mới 3113 cây dừa, chăm sóc 59,77 ha điều, trong đó điều trồng mới 26,77 ha.

Chăn nuôi giữ mức ổn định, tổng đàn bò hiện có 256 con, (trong đó: *bò lai sind* 32 con, chiếm 12,5%), đàn heo 1.890con (trong đó: Heo hướng nạc 975 con, chiếm 51,6%). Ngoài ra đàn dê luôn giữ mức 82 con.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và NTTS:

Công tác phòng chống dịch bệnh ở cây trồng và vật nuôi được triển khai tích cực, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn Xã. Tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, triển khai kế hoạch tiêm phòng vaccin LM-LM và phun thuốc sát trùng penkocid trên địa bàn xã, trong năm 2014 tiêm vaccin LMLM cho đàn bò 425 liều, phun thuốc sát trùng penkocid 22 lít; Tiêm phòng vaccin Tụ huyết trùng cho đàn Bò là 175 liều;

Kiểm tra dịch bệnh nuôi trồng thủy sản phát hiện 07 hộ, ước thiệt hại 112 triệu (Chủ yếu là bệnh ở Cá Mú). Đã phối hợp với trạm thú y thị xã hướng dẫn cho các hộ NTTS xử lý dịch bệnh.

b. Về Công nghiệp, TTCN, thương mại và dịch vụ:

4.1.2. Sản xuất Thương mại- dịch vụ: Toàn Xã hiện có 124 hộ sản xuất kinh doanh, 02 doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu, 2 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ, du lịch và 1 công ty TNHH Phạm New Enter Prises vốn 100% nước ngoài đầu tư trên lĩnh vực tác tượng đá Granits xuất khẩu gắn với trung tâm công viên cây xanh nghỉ dưỡng. Ngoài ra, có 3 công ty TNHH đã được cấp có thẩm quyền cho thuê đất và 3 chủ đầu tư đang lập dự án xin thuê đất để đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ du lịch, trung tâm thương mại.

Dịch vụ Bru chính, viễn thông, tín dụng ngân hàng, dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách phát triển rộng khắp. Hiện nay, toàn Xã có 04 trạm viễn thông điện

thoại di động và 08 đại lý Vina phone, Mobi phone, Viettel, HT mobi; 1 điểm bưu điện văn hóa, 1 khu văn hóa thể thao, 1 chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và 4 điểm dịch vụ Internet tư nhân hoạt động đáp ứng nhu cầu cho nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổng dư nợ cho vay bình quân hàng năm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trên 7,4 tỉ đồng và huy động tiền gửi tiết kiệm trong nhân dân, tổng số dư tiền gửi đến cuối năm 2009 trên 25 tỉ đồng.

Hiện nay, tổng số trên địa bàn xã có 25 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động (Trong đó: KCN 16 công ty), đã giải quyết việc làm cho hơn 2.000 lao động ở trong và ngoài địa phương (trong đó: khoản 650 người lao động địa phương); phối hợp với các cơ quan chức năng lập phương án đền bù mở rộng thêm khu sản xuất giống của DNTS Đặc Lộc với diện tích 17,8 ha;

Về thương mại và dịch vụ: Thành lập Ban chỉ đạo phát triển và quản lý chợ, triển khai kế hoạch sắp xếp, bố trí hợp lý việc mua bán trong chợ đảm bảo ANTT, PCCC, VSMT tại chợ. Tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tương đối ổn định, hiện trên địa bàn xã có 492 hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, 02 doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu và 01 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ, du lịch.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 27,8%; ngư, nông, lâm nghiệp, chiếm 41,2%; công nghiệp - xây dựng - tiểu thủ công nghiệp 31%. thu nhập bình quân đầu người là 20 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo còn là 4,93%.







4.1.3. Công nghiệp - TTCN: Toàn Xã có 04 cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu thuyền phục vụ tốt cho hoạt động nghề cá ở địa phương và có 17 doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu chủ yếu là sản xuất các mặt hàng mộc dân dụng xuất khẩu với sản lượng sản phẩm khá lớn và đã thu hút trên 1.600 lao động ở trong và ngoài địa phương.

5. Hạ tầng cơ sở

5.1 Thông kê về giáo dục:

STT	Tên trường	Số phòng học	Số phòng chức năng	Diện tích (m ²)	Số lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Tỷ lệ phổ cập	Đạt quy chuẩn QG
01	THCS Tô Vĩnh Diện	11	02	15.669,3	19	700	38	81,2%	Chưa đạt
02	Tiểu học số 1	20	04	7.341	28	694	34	90%	Đạt chuẩn năm 2010
03	Tiểu học số 2	06	00	1.415	10	285	13		Chưa đạt
04	Trường Mầm non	05	00	2429	05	157	05	100%	Chưa đạt
05	Trường Mầm non tư thục	4	4	1.125	05	120	05		Đạt chuẩn năm

5.2 Cơ sở vật chất phục vụ hành chính và dân sinh:

Công trình	Quy mô	Vốn xây dựng	Hình ảnh
Công trình hành chính và phục vụ dân sinh của xã			
Bưu điện xã	Nhà cấp 3, diện tích 0,16 ha		
Ngân hàng Nông nghiệp	Nhà cấp 3		
Cơ quan xã đội	Nhà cấp 4	605.000 đồng	
Nhà văn hóa xã	Chuẩn Quốc gia, diện tích: 4.490 m ²	1.036.000.000đ (Nguồn vốn xã bãi ngang)	
Khu Thể Thao xã	Diện tích: 12.650m ²	316.982.941đ (Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thị xã)	
01 phòng học trường Mầm non (điểm trường thôn 4)	Diện tích: 80,86m ²	478.600.224đ (Nguồn vốn ngân sách cân đối tập trung)	
Trụ sở làm việc UBND xã Xuân Hải	Nhà cấp 3, Diện tích: 10.200m ²	kinh phí 2.600.000.000 đồng	
Xây dựng mới 10 phòng học Trường Tô Vĩnh Diện, Sửa chữa, cải tại 03 phòng học	Xây mới diện tích: 1.336m ² Sửa chữa diện tích 194m ²	6.052.912.582 đồng	
Công trình phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của nhà nước			
Rừng phòng hộ	821,32 ha		

Cơ sở sản xuất, dịch vụ, kinh doanh trên địa bàn:

- Doanh nghiệp KD xăng dầu Không Lang
- Doanh nghiệp KD xăng dầu Minh Lộc
- Doanh nghiệp Du lịch Bãi bầu
- Cty TNHH Pham New Enter Prises¹
- DNTS Đắc Lộc (Diện tích 17,8 ha)
- Khu công nghiệp (19 Cty)
- 357 tàu thuyền đánh bắt thủy sản
- 04 cơ sở sửa chữa đóng mới tàu

5.2 Chợ:

- Hiện nay trên địa bàn Xã có 1 chợ trung tâm của Xã tại Thôn 3, diện tích 0,12 ha và một chợ tự nhóm tại Thôn 4, diện tích 0,1120 ha, nhìn chung công tác quản lý chợ hiện nay chưa đi vào nề nếp theo quy định.
- Công trình Chợ Xuân Hải, với diện tích: 31.929,93m², với kinh phí thực hiện trên 4.530.038.088 đồng, hiện nay đang tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu và sẽ tiến hành thi công cuối năm 2014;

5.3 Bưu điện:

Có 01 bưu điện tại Thôn 3 với diện tích 0,16 ha;

Có truy cập Internet đến từng Thôn.

Có 04 trạm viễn thông (02 trạm Viettel và 02 trạm mobi) và 08 đại lý (02 trạm vinaphone, 02 trạm mobiphone, 03 trạm viettel, 01 trạm Htmobi).

6 Nhà ở

Nhà tạm, nhà dột nát: còn 69 nhà tạm, dột nát (trong đó 49 nhà thuộc hộ nghèo có mã số), chiếm 3,23%.

Nhà bán kiên cố và nhà kiên cố: chiếm 96,77%

Tuy nhiên, tình trạng nhà ở khu dân cư vẫn còn phân bố rải rác, không đồng đều, việc xây dựng không có thiết kế mẫu, không có hệ thống thoát nước đảm bảo theo quy định. Do đó, thời gian tới tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức và phải tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện.

7 Nước sạch, vệ sinh và môi trường

- Hiện trạng sử dụng nước của dân cư trong xã:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia: Hiện xã có 2.287/2.287 hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 100%. Đạt chuẩn (85%)

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia: xã có 1.407/2.287 hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 61,52%. Đạt chuẩn (50%)

- Hiện trạng về vệ sinh môi trường: Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm chú trọng, hằng ngày có xe thu gom rác thải hoạt động trên địa bàn xã. Ý thức

¹ Tác tượng đá Granits xuất khẩu gắn với trung tâm công viên cây xanh nghỉ dưỡng

bảo vệ vệ sinh môi trường trong nhân dân từng bước được nâng lên; tổng số hộ toàn xã có đủ 03 công trình vệ sinh hợp chuẩn: 1.761/2.287hộ, chiếm tỷ lệ 77%; Rác thải sinh hoạt hàng ngày được thu gom và xử lý hợp vệ sinh đạt 90%, đạt chỉ tiêu NQ đề ra là 90%.

Các cơ sở SX-KD đạt chuẩn về môi trường: có 495/495 cơ sở sản xuất kinh doanh đạt chuẩn về môi trường, đạt tỷ lệ 100%. Đạt chuẩn.

Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp: Đạt chuẩn. Ở xã không có các hoạt động gây suy giảm môi trường, đồng thời có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp cụ thể như: hàng tuần lực lượng thanh niên của xã cùng với nhân dân tham gia dọn dẹp vệ sinh tại 02 điểm tập kết rác thải ở thôn 2, dọc bãi biển thôn 2 và dọc Quốc lộ 1D.

Chất thải, nước thải được thu gom xử lý theo quy định: Hiện đã đạt, chiếm tỷ lệ 100%.

Các hoạt động thường xuyên phát triển môi trường xanh, sạch đẹp, vận động trồng cây xanh ở các trường, cơ quan, tổ chức chiến dịch tuyên truyền nhân ngày môi trường thế giới...

- **Tình trạng nghĩa trang:** Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch được xây dựng tại thôn 1, mở rộng thêm 5.000 m² đã đưa vào sử dụng.

8. Y tế (dịch bệnh liên quan đến thiên tai)

Trạm y tế, diện tích: 507,5 m²; trưởng trạm trình độ Trung cấp y sĩ và 4 nhân viên (01 trung cấp, 03 sơ cấp).

Nhìn chung, cơ sở vật chất còn thiếu thốn chưa đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: Hiện xã có 6.675/9.496 người dân tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 70,3%. Đạt chuẩn ($\geq 70\%$).

Mức độ đạt chuẩn Quốc gia của Trạm y tế:

Y tế Xã chưa đạt chuẩn Quốc gia theo chuẩn của Bộ Y tế và chuẩn nông thôn mới. Do đó, cần phải tập trung đầu tư thực hiện, trong đó cần tập trung xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh và nâng cao nhân lực của đội ngũ y bác sỹ.

9. Công tác phòng, chống thiên tai

a. Mặt được:

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, dự báo bão lớn và thảm họa thiên tai hoàn toàn có thể xảy ra, do vậy việc chuẩn bị, ứng phó, khắc phục với thiên tai từ xã đến thôn và nhân dân được nâng cấp từ nhận thức, trách nhiệm, tinh thần sẵn sàng đến hành động cụ thể, nhất là sự chủ động, khẩn trương, quyết liệt và nỗ lực của chính quyền địa phương;

Công tác trực ban, thông tin báo cáo tình hình được thực hiện nghiêm túc giúp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh thiên tai kịp thời, hạn chế thiệt hại;

Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã chủ động tham mưu, tổng hợp giúp UBND xã chỉ đạo, điều hành tốt công tác phòng chống thiên tai; 02 lực lượng Công an xã và Xã đội phối hợp với Đoàn Xuân Thịnh sẵn sàng lực lượng, phương tiện sơ tán, cứu hộ, cứu nạn khi có mệnh lệnh.

b. Mặt tồn tại:

Các phương án PCTT và TKCN của xã không đáp ứng yêu cầu ứng phó với siêu bão (cấp 12 trở lên); do đó khi triển khai ứng phó với bão số 14 (siêu bão HaiYan) rất lúng túng, khó khăn;

Kinh phí chi phục vụ công tác PCLB và TKCN còn thấp nên việc điều động và hỗ trợ cho các lực lượng Dân quân, dân phòng còn gặp rất nhiều khó khăn;

Một số bộ phận nhân dân còn nhận thức hạn chế trong việc tác hại của thiên tai, có tư tưởng chủ quan, ỷ lại khi có tin bão, ATNĐ.

Kế hoạch phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai chưa được thực hiện đúng quy trình và theo phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng từ dưới lên.

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỒN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

- Nhận xét chung:

Do đặc điểm về địa hình với 02 kiểu địa hình chính: Kiểu địa hình gò núi thấp, cao và kiểu địa hình thấp sen đầm vịnh, bờ biển khoảng 12 km có đồi núi chiếm 1/3 diện tích toàn xã tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành nghề đánh bắt thủy hải sản phát triển; Tuy nhiên, do tình trạng thời tiết và khí hậu thay đổi tần suất thiên tai tác động đến đời sống và kinh tế của người dân không cao; Trong thời gian 15 năm trở lại đây đã bị tác động 2 cơn bão (năm 2001, 2014), tình trạng nắng nóng kéo dài gần đây cũng gia tăng.

Bảng thông tin lịch sử thiên tai

Năm	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng	Khu vực	Thiệt hại gì
2001 (Tháng 9)	Bão	Cấp 8+9 cường độ tăng dần	Thôn 2	6 nhà ở và 1 người chết thiệt hại tài sản (vỡ đĩa, tôm chết, ghe thuyền bị chìm đắm gia súc, gia cầm chết, dừa gãy sạt lở đường bê tông. Một số hộ dân bị tắc mái
2009 (Tháng 5)	Lốc xoáy, lụt	Xảy ra bất thường trong 1 thời gian ngắn cấp độ gió tăng dần mưa to, mưa giông	Thôn 1,2	Tài sản(Chìm ghe, nhà sập, gãy dừa, 1 số nhà bị tắc mái). Nuôi trồng thủ sản: Vỡ đĩa, tôm chết, nước dâng tôm ra ngoài, cá cua chết, gia súc gia cầm chết
2003 đến nay	Hạn	Nắng nóng kéo	Thôn	Gây chết tôm, cá, ghe cua

(T5,6,7,8)	hán	dài, gây nước nóng, xu hướng tăng, thời cơ mưa rào	3,4,5	khoảng 70% Chết hoa màu, cây công nghiệp, làm cản còi mất năng suất(rải rác) Chết gia súc, gia cầm khoảng 2.300 con
2014	Bão	Cấp độ nhẹ giảm dần đủ theo dõi	Thôn 3,4,5	Sập 2 nhà, tốc mái 08 cái. Gãy 7 cây dừa Tốc mái khu Đắc Lộc Bể hồ Ba Ba(200 con) Ngập úng dọc đường Bê tông gây khó khăn đi lại
Từ năm 2003 đến nay	Ngập úng	Thường xuyên, cường độ tăng	Thôn 3,4,5	Thiệt hại hoa màu Cản trở giao thông

2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

2.1 Lĩnh vực An toàn cộng đồng:

a. Về vật chất:

- Nhà tạm, nhà dột nát: còn 69 nhà tạm, dột nát (trong đó 49 nhà thuộc hộ nghèo có mã số), chiếm 3,23%.
- Cơ sở công trình tránh, trú bão không có khả năng chịu được Bão to từ cấp 12 trở lên.
- Dân cư vẫn còn phân bố rải rác, không đồng đều, việc xây dựng không có thiết kế mẫu,
- Không có hệ thống thoát nước đảm bảo theo quy định, mặt khác xã Xuân Hải có diện tích trồng dừa trên vùng đất cát nhiều, khi mưa lớn nước không thoát gây ngập úng và bong, tróc góc dừa làm đổ ngã những nhà dân sống dưới tán cây dừa (Thôn 1)

b. Nhận thức, thái độ, động cơ:

- Người dân còn chủ quan trong việc bảo vệ tính mạng và tài sản trong việc phòng, chống thiên tai.
- Thiếu hiểu biết về các kiến thức phòng, chống giảm nhẹ các rủi ro do thiên tai gây ra.

c. Tổ chức/xã hội:

- Kiến thức về quản lý rủi ro thiên tai của cán bộ chưa được nâng cao nên việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai thời gian trước đây chưa cụ thể.
- Dân cư, chợ chưa được quy hoạch; đường đi lại trong thôn còn hẹp
- Chưa có nhà tránh trú bão

2.2 Lĩnh vực sức khỏe, vệ sinh, nước sạch:

a. Về vật chất:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế còn thấp (16,5%),

- Trạm y tế không có bác sĩ, có 06 cán bộ, công chức, gồm: 01 y sĩ đa khoa; 01 y sĩ đông y; 02 y tá sơ cấp, 01 nữ hộ sinh trung cấp, 01 nữ hộ sinh sơ cấp và 5/5 thôn có nhân viên y tế cộng đồng, cơ sở vật chất còn thiếu thôn chưa đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.
- Đa số hộ dân sử dụng nước giếng để sinh hoạt, có một số vùng nguồn nước bị nhiễm phèn, đặc biệt là Thôn 1.
- Tổng số hộ toàn xã có đủ 03 công trình vệ sinh hợp chuẩn: 1.761/2.287hộ, chiếm tỷ lệ 77%;
- Không có hệ thống thoát nước đảm bảo nên thường bị ngập chậm thoát gây ra tình trạng môi trường bị ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.
- Các hộ có cơ sở chăn nuôi gia súc xử lý phân chưa hợp vệ sinh

2.3 Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:

a. Về vật chất:

- Trình độ thấp, không có chuyên môn nghiệp vụ, tỷ lệ thất nghiệp còn cao
- Bờ bao đầm nuôi trồng thủy sản còn thấp, dễ vỡ do gió lốc
- Số lượng tàu thuyền công suất nhỏ còn nhiều.

b. Nhận thức, thái độ, động cơ:

- Ý thức bảo vệ nguồn thủy sản và tài nguyên của người dân chưa được cao.
- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân còn hạn chế.

c. Tổ chức/xã hội:

- Kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá phát triển còn chậm và chăn nuôi vẫn chưa phát triển mạnh.
- Việc khôi phục nghề nuôi tôm sú theo hướng phát triển bền vững còn gặp nhiều khó khăn;
- Tình trạng khai thác trái phép trong đầm Cù Mông vẫn còn diễn ra, chưa có biện pháp khắc phục triệt để;
- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Quản lý cấp phép xây dựng, kiểm tra, giám sát việc khai thác khoáng sản còn thiếu đồng bộ.
- Việc huy động các nguồn lực trong nhân dân xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng chưa mạnh, nhất là việc huy động vốn xây dựng cơ bản để trả nợ cho những năm trước đây còn gặp nhiều khó khăn.
- Tình hình dịch bệnh trên một số cây trồng, vật nuôi thủy sản còn diễn ra làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.
- Chính quyền và các đoàn thể còn lúng túng trong việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện một số chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

- Nguồn lực cho đầu tư phát triển của xã còn khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu.
- Công tác xây dựng Nông thôn mới: Một số tiêu chí cần đầu tư nhiều nguồn vốn xây dựng, nhưng hàng năm cấp trên phân bổ vốn về ít nên rất khó thực hiện.

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

a) An toàn cộng đồng:

- **Về vật chất:** Đa đa số người dân chủ động chặn chống nhà cửa, di chuyển phương tiện tài sản đến nơi an toàn, Chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, như gạo, mì tôm, nước uống, phương tiện như đèn pin, các công cụ chiếu sáng, Chủ động nắm bắt thông tin kịp thời, có tinh thần đoàn kết khắc phục hậu quả. Đã có khu quy hoạch dân cư (thôn 3) và các điểm tránh trú thiên tai an toàn (như trường Mầm non mẫu giáo, trường Tô Vĩnh Diện, trường tiểu học số 1, số 2, trụ sở UBND xã, khu văn hóa xã, Trạm Y tế, Bưu điện, ngân hàng, trường mầm non Tuổi Thơ, và các nhà dân kiên cố trong xã (70% nhà kiên cố).

- **Nhận thức, thái độ động cơ:** Đa đa số người dân có tinh thần chủ động chặn chống nhà cửa, theo dõi, nắm thông tin kịp thời tình hình diễn biến thiên tai. Chính quyền địa phương phối hợp với Bộ đội biên phòng Thông tin, hướng dẫn thuyền về nơi trú bão an toàn, thông tin về tình hình thiên tai 24/24h. trên loa phát thanh và loa cầm tay cho người dân.

- **Tổ chức xã hội:** Cán bộ trạm y tế trực 24/24h. Các đoàn thể như mặt trận, nông dân, thanh niên, phụ nữ, hội chữ thập đỏ... thường xuyên bám sát từng khu dân cư, kịp thời hỗ trợ và giúp đỡ nhân dân khi có thiên tai xảy ra (như: dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng ngừa dịch bệnh).

b) Sức khỏe, vệ sinh, nước sạch, môi trường:

- Có hệ thống nước sạch đảm bảo cho việc sinh hoạt (thôn 2,3,4,5). Chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân khơi thông mương nước.

c) Sản xuất, kinh doanh:

- Nuôi trồng thủy, hải sản, trồng dưa là nguồn sinh kế chính của người dân với nhiều kinh nghiệm trong đánh bắt

- Các hộ nuôi tôm cá chủ động đắp bờ, kịp thời thu hoạch tôm, cá trước mùa mưa bão; Có 8 đại lý thu mua thủy hải sản.

C. Tổng hợp rủi ro thiên tai và giải pháp phòng, chống thiên tai

1. Tổng hợp rủi ro thiên tai

Tuy thiên tai xảy ra trên địa bàn với tần suất thấp, tuy nhiên thiệt hại gây ra cho người dân cũng không ít, Bão năm 2001 đã làm chết 1 người do nhà yếu sập đè chết, gây vỡ đìa và đầm nuôi thủy sản, gãy đổ các cây dừa, làm chìm thuyền, sạt lở đường làm chia cắt giao thông và chết gia súc, gia cầm; Ngoài việc thiệt hại trực tiếp do bão, mưa lớn đã làm ngập úng tràn ngập các đầm nuôi thủy sản gây "nhiễm ngọt" đã tổn thất tôm, cá chết; tình trạng ô nhiễm môi trường...

Do ý thức và kiến thức của người dân chưa được nâng cao trong việc phòng,

chống thiên tai, thông tin cảnh báo chưa kịp thời ngoài thiệt hại về kinh tế, nhà ở và tài sản của người dân cũng bị thiệt hại, sét đánh hư hại các phương tiện trong gia đình.

Tình trạng nắng nóng kéo dài cũng gây thiệt hại và làm cho người dân trong vùng rủi ro nhất là thôn 1 thiếu nước sử dụng và gây ra tình trạng cháy rừng (Năm 2014 đã xảy ra 02 trường hợp cháy rừng trồng của dân, ước thiệt hại 6,5 ha do ý thức của người dân và tình trạng nắng nóng kéo dài).

Bảng xếp hạng về thiên tai và rủi ro

Số thứ tự	Thông tin xếp hạng	Thứ tự xếp hạng theo thôn					Thứ tự xếp hạng
		Thôn 1, 2		Thôn 3,4,5		Toàn xã	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1.	Thiệt hại về người, nhà cửa tài sản do bão	12	13	12	8	45	1
2.	Giao thông đi lại khó khăn trong mùa mưa bão (đường ngập úng, cây ngã đổ)	7	9	7	4	27	2
3.	Ô nhiễm nguồn nước	12	13	1		26	3
4.	Thiệt hại về người và tài sản do sét	11	13			24	4
5.	Ao, đìa bị vỡ bờ nhiễm ngọt gây Thiệt hại về nuôi trồng thủy sản.	7	6	6	2	21	5
6.	Thiệt hại về gia súc, gia cầm	5	7	6	2	20	6
7.	Mất đất do triều cường	6	10			16	7
8.	Thiệt hại về hoa màu, lúa và cây trồng lâu năm (dù, bạch đàn)	4	6	1		11	8
9.	Chìm ghe, thuyền	5	4		1	10	9

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai:

Để giảm nhẹ các rủi ro do thiên tai gây ra, người dân cùng với chính quyền và các tổ chức xã hội, đoàn thể chính trị thảo luận đã đưa ra các giải pháp sau đây:

a. Giải pháp phi công trình:

❖ Lĩnh vực an toàn cộng đồng:

1. Nhà nước quan tâm quy hoạch khu tái định cư cho dân, vận động nhân dân chằng chống nhà cửa khi có bão xảy ra.

2. Đài truyền thanh phải trực tiếp thông tin cho người dân 24/24 giờ khi có bão xảy ra, mặt khác người dân phải thường xuyên nắm bắt thông tin dự báo thời tiết 24/24 giờ khi có cảnh báo thiên tai.
3. Vận động người thân, người dân đưa ghe thuyền, thúng chai về bến đậu an toàn; tu sửa lại thuyền, ghe, thúng chai đã lâu năm dễ bị hư hỏng.
4. Kịp thời di dời dân (những hộ gia đình khó khăn, tàn tật, già yếu, neo đơn)

❖ **Lĩnh vực sức khỏe, vệ sinh và nước sạch:**

5. Tuyên truyền thông tin kịp thời đến người dân, đồng thời vận động người dân nâng cao nhận thức, bảo vệ môi trường;
6. Vận động người dân sử dụng nguồn nước sạch.

❖ **Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:**

7. Chính quyền quan tâm tạo điều kiện để người dân được vay vốn, giải quyết việc làm, tăng gia sản xuất
8. Nhà nước có biện pháp tăng cường quản lý con giống, kiểm dịch con giống; Không cho người dân đi biển khi có giông bão để đánh bắt cá, tôm. , thường xuyên gia cố bờ đìa,
9. Nắm bắt thông tin kịp thời từ cán bộ khuyến nông, nuôi trồng theo đúng mùa vụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, thường xuyên vệ sinh chuồng trại thường xuyên.

b. Giải pháp công trình

- Tiếp tục vận động và thực hiện chương trình xóa nhà tạm cho dân.
- Chính quyền, các tổ chức đoàn thể cùng người dân các hộ gia đình khắc phục, sang lấp mặt bằng, đào rãnh và đặt ống thoát nước.
- Quy hoạch vùng nuôi, xử lý hệ thống nước thải, đầu tư hệ thống nước sạch cho các thôn chưa có nước sạch.
- Củng cố ao đìa nuôi trồng thủy sản, đầu tư vốn để mua lại những tàu, thuyền máy và công cụ có công suất lớn để chống lại sóng gió lớn.
- Nâng cấp và mở rộng đường giao thông đi lại trong thôn, xóm
- Trang bị thông tin liên tục hiện đại

D. Kết luận và đề xuất

1. Cấp thôn:

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng khi có cảnh báo thiên tai.
- Vẽ bản đồ rủi ro và niêm yết tại văn phòng sinh hoạt thôn đồng thời hướng dẫn người dân kịp thời sơ tán khi có lệnh.

2. Cấp xã:

- Nâng cấp hệ thống thông tin và kịp thời cảnh báo cho hướng dẫn người dân các hoạt động cụ thể để giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai gây ra.
- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho người dân thôn 1

- Nghiên cứu các chương trình và chính sách trợ vốn đầu tư cho người dân để sản xuất và kinh doanh.

3. Đề xuất với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan:

- Đề xuất BCH PCTT&TKCN Thị xã cần tổ chức nhiều đợt tập huấn cho Ban chỉ đạo PCTT và TKCN của xã về công tác điều hành các phương án PCTT và TKCN để kịp thời ứng phó với các siêu bão (cấp 12 trở lên).
- Kiến nghị các cấp có thẩm quyền cần hỗ trợ kịp thời trang thiết bị phương tiện cứu hộ, cứu nạn và phục vụ cho điều hành công tác PCTT và TKCN kịp thời nhằm hạn chế và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai đến mức thấp nhất.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy, UBND, HĐND;
- MTTQ và các tổ chức đoàn thể;
- Các Trưởng thôn;
- Ban CH PCLB và TKCN tỉnh Phú Yên;
- Ban Quản lý dự án TW Hội CTĐ VN;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Nhân
Trưởng nhóm Hỗ trợ kỹ thuật
Xã Xuân Hải

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:

Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá

Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCD

Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 4. Kết quả đánh giá